

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ NGOẠI LỆ KHÔNG XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ TRONG HOẠT ĐỘNG THƯ VIỆN VÀ GIẢI PHÁP

**Tóm tắt:** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2022 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả (QTG) trong hoạt động thư viện để phù hợp với những tiến bộ của công nghệ, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa chủ thể sáng tạo và công chúng trong xã hội hiện đại. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về ngoại lệ không xâm phạm QTG trong hoạt động thư viện, chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về vấn đề này.

**Từ khoá:** Quyền tác giả, học liệu số, pháp luật thư viện, ngoại lệ quyền

Xuất phát từ đặc thù của cơ sở thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí của người sử dụng, là phương thức truyền bá tri thức, giá trị văn hóa góp phần nâng cao dân trí, xây dựng con người phát triển toàn diện, hoạt động sử dụng tác phẩm trong thư viện là một nội dung được chú trọng trong quá trình ban hành quy định về ngoại lệ không xâm phạm QTG – các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền. Trên cơ sở khắc phục những vướng mắc trong thực tiễn, tạo nên sự cân bằng giữa chính sách thúc đẩy sáng tạo sản phẩm mới với việc phân phối và sử dụng các thành quả sáng tạo của các chủ thể, đảm bảo một số quyền dân sự cơ bản của con người như quyền được học tập, nghiên cứu và tiếp cận thông tin, Luật SHTT sửa đổi năm 2022 đã mở rộng phạm vi cho phép việc sử dụng tác phẩm của thư viện. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định hiện hành, đặc biệt trong bối cảnh phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam khi tham gia vào nhiều Điều ước quốc tế quan trọng về SHTT đã cho thấy một số vướng mắc, bất cập.

## 1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả trong hoạt động thư viện

### 1.1. Về điều kiện chung áp dụng ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả trong hoạt động thư viện

Vì các quy định ngoại lệ không xâm phạm QTG trong hoạt động thư viện ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu QTG nên việc sử dụng tác phẩm trong thời hạn bảo hộ mà không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện chung như sau: (i) Đối tượng được sử dụng phải là tác phẩm đã công bố; (ii) Hành vi sử dụng tác phẩm phải thuộc trường hợp cụ thể quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25 và Điều 25a Luật SHTT; (iii) Việc sử dụng tác phẩm không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu QTG; (iv) Chủ thể sử dụng tác phẩm phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm; (v) Việc sao chép tác phẩm không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm mỹ thuật, chương trình máy tính; việc làm tuyên tập,

hợp tuyển các tác phẩm. Theo đó, liên quan đến hoạt động chuyên môn của mình, các thư viện tại Việt Nam đang gặp một số vướng mắc sau:

**Thứ nhất**, đối tượng được sử dụng phải đã công bố. Theo giải thích tại khoản 8 Điều 3 Nghị định 17/2023/NĐ-CP<sup>1</sup>, tác phẩm được coi là đã công bố phải thỏa mãn các yếu tố:

- Phải có việc phát hành bản sao tác phẩm đến công chúng. Trong đó, phát hành được giải thích là “*việc thông qua một hoặc nhiều hình thức mua, bán, phân phát, tặng, cho, cho thuê, cho mượn, xuất khẩu, nhập khẩu, hội chợ, triển lãm để đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng*”<sup>2</sup>. Như vậy, tác phẩm được coi là công bố khi các bản sao được đưa đến công chúng thông qua các hình thức rất đa dạng như mua, bán, phân phát, tặng, cho, hội chợ, triển lãm... để người sử dụng có nhu cầu có thể tiếp cận được với tác phẩm. Tuy nhiên, một số thư viện tại Việt Nam đang chưa xác định rõ liệu việc “*phát hành*” trong khái niệm công bố tác phẩm có đồng nhất với thuật ngữ “*phát hành*” trong Luật Xuất bản không? Việc số hóa các công trình nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án của người học và cung cấp cho bạn đọc có buộc phải tiến hành thủ tục xin cấp giấy phép xuất bản và thư viện thực hiện việc công bố có buộc phải xin cấp phép để có tư cách nhà xuất bản theo Luật Xuất bản không, có phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền không? Bên cạnh đó, việc chủ sở hữu QTG đăng một tác phẩm lên các trang mạng xã hội và đề chế độ công khai đã được coi là công bố tác phẩm để thư viện được sử dụng hay chưa? Ngoài ra, pháp luật Việt Nam hiện hành cũng chưa có quy định giải thích cụ thể thế nào là công chúng, dẫn đến những ý kiến chưa thống nhất về việc liệu phát hành bản sao tác phẩm đến các thành viên trong một câu lạc bộ, nhóm bạn bè, người quen hay các sinh viên, giảng viên của một trường đại học có được coi là công bố tác phẩm đến công chúng hay chưa?

- Số lượng bản sao đưa đến công chúng phải hợp lý, đủ để công chúng tiếp cận được tùy theo bản chất của tác phẩm. Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định nội dung này nên các thư viện còn lúng túng trong quá trình xem xét việc sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, nhà khoa học in và nộp các sản phẩm sáng tạo của họ như khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án theo số lượng cơ sở đào tạo, đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ yêu cầu (ví dụ như 03-05 bản giấy và 01 bản sao điện tử) đã coi là số lượng hợp lý để được coi là công bố tác phẩm hay chưa? Pháp luật hiện hành chưa xây dựng các tiêu chí, nguyên tắc để xác định số lượng bản sao hợp lý, chưa xác định cơ quan, tổ chức nào sẽ quyết định số lượng này cũng như cơ chế giải quyết nếu có tranh chấp phát sinh dẫn đến những tranh cãi trong thực tiễn.

- Việc phát hành phải được sự đồng ý của chủ sở hữu QTG nhằm đảm bảo việc công bố phải được thực hiện dưới sự kiểm soát của chủ sở hữu QTG bởi hoạt động này có thể ảnh hưởng rất lớn đến uy tín, danh tiếng của chủ thể quyền cũng như là tiền đề để thực hiện các quyền tài sản, trực tiếp tác động đến việc khai thác các sản phẩm sáng tạo. Tuy nhiên,

---

<sup>1</sup> Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về QTG, quyền liên quan.

<sup>2</sup> Khoản 3 Điều 4 Luật Xuất bản năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018.

pháp luật chưa có quy định cụ thể về hình thức ghi nhận sự đồng ý của chủ sở hữu QTG đối với việc công bố dẫn đến việc áp dụng thiếu thống nhất trong thực tế. Cụ thể là sự đồng ý này phải được thể hiện dưới hình thức văn bản độc lập, được công chứng, xác thực hay có thể là một nội dung trong thỏa thuận bằng văn bản của các bên; sự cho phép chỉ cần thể hiện bằng lời nói hoặc chủ sở hữu QTG biết việc chủ thể khác công bố nhưng im lặng, không phản đối được coi là đồng ý.

**Thứ hai**, chủ thể sử dụng tác phẩm phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Đây là nghĩa vụ xuất phát từ quyền nhân thân mà pháp luật trao cho tác giả quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật SHTT là tác giả “*được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng*”. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa thể hiện rõ yêu cầu thông tin về tên tác giả ở mức độ nào (nêu tên thật hay bút danh; chỉ nêu tên gọi, tên đệm và tên gọi hay nêu đầy đủ họ và tên), nêu chính xác như tên mà tác giả sử dụng khi công bố, khai thác tác phẩm hay có thể nêu rút gọn, viết tắt; cách thức cung cấp thông tin phải đủ rõ ràng để công chúng có thể nhận biết; mức độ chính xác của thông tin về nguồn gốc, xuất xứ tác phẩm cũng như chưa quy định đối với trường hợp không xác định được tác giả tại thời điểm sử dụng tác phẩm hoặc sử dụng tác phẩm có quá nhiều tác giả như cuốn bách khoa toàn thư, đại từ điển... mà không xác định được nội dung được sử dụng là của tác giả nào.

- **Thứ ba**, pháp luật hiện hành chưa có quy định yêu cầu tác phẩm được sử dụng trong các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG phải là tác phẩm tiếp cận từ nguồn hợp pháp như sách được xuất bản hợp pháp mà không phải photo trái phép.

**1.2. Về ngoại lệ sao chép tác phẩm lưu trữ trong thư viện để bảo quản, với điều kiện bản sao này phải được đánh dấu là bản sao lưu trữ và giới hạn đối tượng tiếp cận theo quy định của pháp luật về thư viện, lưu trữ**

**Thứ nhất**, số lượng được phép sao chép là không quá ba bản. So với quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 22/2018/NĐ-CP chỉ cho phép sao chép không quá một bản, quy định trong Nghị định 17/2023/NĐ-CP có mở rộng số lượng được phép sao chép không quá ba bản nhằm phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hoạt động của các thư viện trên cơ sở đảm bảo sự cân bằng với lợi ích của chủ thể QTG. Tuy nhiên, pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể ba bản sao này chỉ là ba bản sao hữu hình tác phẩm hay có thể là hai bản sao hữu hình và một bản sao điện tử. Việc hạn chế này có lẽ chỉ phù hợp áp dụng đối với các bản sao hữu hình tác phẩm trong khi rất khó kiểm soát số lượng này đối với các bản sao tồn tại dưới dạng điện tử. Hơn nữa, trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày càng phát triển, các bản sao điện tử cũng có thể phát sinh những bất cập như sự lỗi thời của phần mềm, sự lạc hậu của phần cứng... nên nếu chỉ cho phép sao chép không quá ba bản thì cũng gặp khó khăn trong bảo tồn vì không được sao lưu, cập nhật các định dạng mới. Bên cạnh đó, quy định này cũng dẫn đến những khó khăn cho các thư viện trong quá trình xây dựng tài nguyên thông tin đáp ứng nhu cầu của bạn đọc cũng như đáp ứng yêu cầu của việc đánh giá, kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đối với những tác phẩm không còn phát

hành trên thị trường nhưng nằm trong danh mục tài liệu tham khảo bắt buộc cho các chương trình đào tạo.

**Thứ hai**, bản sao được tạo ra trong trường hợp này phải được đánh dấu là bản sao lưu trữ và giới hạn đối tượng tiếp cận theo quy định của pháp luật về thư viện, lưu trữ. Quy định này đặt ra yêu cầu về hình thức là các bản sao phải được ghi ký hiệu, đóng dấu là bản sao lưu trữ và chỉ một số đối tượng nhất định đáp ứng điều kiện được tiếp cận. Theo đó, quy định của Luật SHTT về vấn đề này có dẫn chiếu đến pháp luật liên quan như pháp luật về thư viện, lưu trữ, tuy nhiên, quy định về việc xác định nguyên tắc, danh mục, đối tượng, quy trình thực hiện nội dung này chưa được đề cập cụ thể trong pháp luật thư viện và lưu trữ. Điều này có thể dẫn đến sự tùy tiện của các thư viện khi xác định đối tượng tiếp cận giới hạn cũng như nảy sinh những vướng mắc trong quá trình triển khai trên thực tế.

### **1.3. Về ngoại lệ sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép cho người khác phục vụ nghiên cứu, học tập**

**Thứ nhất**, hành vi sử dụng chỉ giới hạn ở việc sao chép hợp lý một phần tác phẩm mà không được sao chép toàn bộ tác phẩm. Việc xác định mức độ sao chép hợp lý quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 25 Nghị định 17/2023/NĐ-CP dựa trên số lượng là không quá một bản và đối với tác phẩm tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết, tỷ lệ tối đa không quá 10% tổng số trang hoặc tổng đơn vị lưu trữ (bytes), tổng số từ của ấn bản, độ dài nội dung của ấn bản đối với tác phẩm được cung cấp dưới dạng ấn bản điện tử không chia trang. Đây là cơ sở để các thư viện thống nhất đưa vào nội quy và áp dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên hướng dẫn này chỉ áp dụng đối với tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết mà chưa đề cập đến các loại hình tác phẩm khác nên dẫn đến khó khăn trong việc xác định tỷ lệ đối với thư viện của các cơ sở quản lý chủ yếu tác phẩm điện ảnh, tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu.

**Thứ hai**, về cách thức thực hiện, thư viện có thể sao chép bằng thiết bị sao chép nhưng thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện phải kèm theo thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về QTG<sup>3</sup>. Về mục đích cung cấp bản sao chỉ là để phục vụ việc nghiên cứu, học tập. Ngoài ra, về hình thức, trường hợp sử dụng này phải phải bao gồm thông tin về QTG xuất hiện trên bản sao được sao chép theo quy định của pháp luật hoặc bao gồm chú thích rõ ràng về việc tác phẩm được bảo hộ QTG nếu không có thông tin nào về QTG được tìm thấy trên bản sao được sao chép<sup>4</sup>. Quy định này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các thư viện thống nhất áp dụng trên thực tế, tuy nhiên, theo quan sát của tác giả, việc áp dụng quy định mới này cũng làm phát sinh nhiều thủ tục, mất nhiều thời gian và chưa tạo thuận lợi cho bạn đọc khi có nhu cầu sao chép tài liệu. Theo đó, trên thực tế hiện nay, do gặp khó khăn về chi phí và yêu cầu kỹ thuật trong việc thiết kế các biện pháp nhằm tính toán số trang được phép sao chép, kiểm soát số trang sao chép của một bạn đọc đối với một tài liệu trong một lần sao chép vì số lượng tài liệu vô cùng đa dạng, phong phú, số lượng bạn đọc có nhu cầu tương đối cao và yêu cầu, cách

<sup>3</sup> Khoản 4 Điều 29 Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

<sup>4</sup> Khoản 2 Điều 29 Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

thức sao chép của mỗi đối tượng cũng khác nhau nên đa số các thư viện vẫn phải tiến hành một cách thủ công, dựa vào việc tính toán, giám sát của nhân viên thư viện. Cụ thể là khi có nhu cầu, bạn đọc phải viết phiếu yêu cầu sao chép hoặc ghi vào sổ theo dõi thông tin cá nhân của bạn đọc, tên tài liệu, xác định tổng số trang của tài liệu, xác định số trang được phép sao chép, lưu lại cụ thể các trang đã sao chép, cộng tổng các trang sao chép khi bạn đọc sao chép không liền mạch, tính chi phí thực tế cho việc sao chép được phép, thậm chí có thư viện còn yêu cầu bạn đọc ký cam kết là sử dụng để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại. Do quy trình đối với mỗi bạn đọc khá phức tạp, tốn khá nhiều thời gian nên đối với những thư viện phục vụ số lượng lớn bạn đọc, tình trạng nhầm lẫn, sai sót và phải xếp hàng chờ đợi là không thể tránh khỏi. Bên cạnh đó, đa số các thư viện hiện nay đều chưa có biện pháp để kiểm soát việc một số bạn đọc phối hợp với nhau để sao chép được toàn bộ tài liệu cũng như không có khả năng giám sát việc sử dụng các bản sao đó có đúng mục đích như người sử dụng cam kết hay không. Ngoài ra, một số thư viện còn cho sinh viên, giảng viên mượn tài liệu về nhà, tức là mang ra khỏi thư viện thì gần như không có khả năng kiểm soát tỷ lệ, mục đích sao chép đối với các tài liệu này.

***1.4. Về ngoại lệ sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính, với điều kiện số lượng người đọc tại cùng một thời điểm không vượt quá số lượng bản sao của tác phẩm do các thư viện nói trên nắm giữ, trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền cho phép và không áp dụng trong trường hợp tác phẩm đã được cung cấp trên thị trường dưới dạng kỹ thuật số.***

Việc sử dụng tác phẩm trong trường hợp này phải áp dụng các biện pháp để ngăn chặn hành vi xâm phạm QTG và không được cung cấp cho công chúng bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số bên ngoài khuôn viên của thư viện sử dụng hợp pháp bản sao đó<sup>5</sup>. Quy định mới này là cần thiết trong bối cảnh nhu cầu học tập, tiếp cận thông tin dưới dạng kỹ thuật số ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của việc học tập từ xa, học trực tuyến trên nền tảng mạng thông tin điện tử, phù hợp với xu thế về “*chuyển đổi số*” trong ngành thư viện, khắc phục những vướng mắc trong thực tiễn hoạt động nghiệp vụ của thư viện, đảm bảo quyền được học tập, tiếp cận tri thức của cá nhân. Ngoài ra, việc cho phép truyền tác phẩm để sử dụng liên thông thư viện cũng tạo điều kiện cho việc phối hợp giữa các thư viện trong việc lưu giữ, trao đổi nguồn tài liệu, mở ra cơ hội cho người sử dụng dịch vụ thư viện được tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu phong phú hơn tại nhiều thư viện khác nhau trong cùng một thời điểm. Tuy nhiên, pháp luật chưa có quy định giải thích cụ thể về cách thức xác định số lượng người đọc chỉ là những người đọc trên hệ thống liên thông thư viện hay cả những người đọc trực tiếp tại phòng đọc của thư viện, người đọc đang mượn tài liệu ra khỏi khuôn viên thư viện; chưa hướng dẫn việc xác định số lượng bản sao của tác phẩm do các thư viện nói trên nắm giữ dẫn đến nhiều cách hiểu trên thực tế như số lượng bản sao mà thư viện nắm giữ là tổng số bản sách giấy hữu hình và bản sao điện tử của tác phẩm của các thư viện đang nắm giữ và quản lý hay chỉ tính số bản sao thư viện đang có tại thư

<sup>5</sup> Khoản 3 Điều 29 Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

viện vào thời điểm tác phẩm được sử dụng vì có một số thư viện cho bạn đọc mượn tài liệu ra khỏi thư viện. Do vậy, pháp luật cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này làm cơ sở cho các thư viện triển khai thống nhất các hoạt động nghiệp vụ, thiết kế hoặc đặt hàng thiết kế máy móc, phần mềm tra soát, cấp phép và quản lý việc sử dụng tác phẩm của bạn đọc. Quy định này trên thực tế cũng sẽ tạo ra những thách thức cho các thư viện, đặc biệt là các thư viện ở vùng sâu, vùng xa trong việc trang bị các công cụ mang tính kỹ thuật và công nghệ để kiểm soát được việc sử dụng tác phẩm của bạn đọc.

## **2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả trong hoạt động thư viện**

- **Thứ nhất**, xuất phát từ ý nghĩa quan trọng của hành vi công bố, việc giải thích thuật ngữ công bố tác phẩm cần được hiểu là *việc cung cấp* bản sao tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu tiếp cận hợp lý của công chúng, tùy theo bản chất của tác phẩm, trên cơ sở sự đồng ý của chủ sở hữu QTG bằng văn bản. Cách giải thích này phản ánh bản chất của hành vi công bố, làm rõ sự khác biệt giữa công bố tác phẩm với phát hành các xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản, giúp các thư viện thống nhất áp dụng trong thực tiễn, giảm tải các thủ tục hành chính xin cấp phép xuất bản, có căn cứ xác định việc đăng tải tác phẩm lên các trang thương mại điện tử, trang mạng xã hội ở chế độ công chúng có thể tiếp cận được thì được coi là công bố tác phẩm và làm sáng tỏ hình thức thể hiện ý chí của chủ sở hữu QTG là bằng văn bản. Điều này phù hợp với nhận thức, áp dụng trong thực tiễn về hành vi công bố cũng như tương thích với quy định của Điều 3.3 Công ước Berne<sup>6</sup> và Điều 171.7 Luật SHTT Philippines sửa đổi đến năm 2015<sup>7</sup>. Bên cạnh đó, với việc sử dụng cụm từ “*số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu tiếp cận hợp lý của công chúng*” thay cho “*số lượng hợp lý*” trong khái niệm công bố tác phẩm, việc xác định số lượng đủ để coi là công bố tác phẩm sẽ rõ ràng và khách quan hơn dựa vào bản chất của loại hình tác phẩm, đặc thù trong phương thức tiếp cận tác phẩm cũng như phù hợp với quy định tại Điều 3.3 Công ước Berne và pháp luật của một số quốc gia như Thụy Điển, Hoa Kỳ<sup>8</sup>. Ngoài ra, liên quan đến khái niệm công bố, Nghị định hướng dẫn có thể giải thích thêm “*Công chúng là một tập hợp người không thuộc phạm vi những người thân thích trong gia đình, những người thân quen xã hội bình thường của họ và không phải chịu bất kỳ hạn chế nào liên quan đến việc tiết lộ thông tin về tác phẩm*”. Quy

<sup>6</sup> Điều 3.3 Công ước Berne, cụm từ “tác phẩm đã công bố” cần được hiểu là các tác phẩm mà bản sao của chúng được đưa đến công chúng với sự đồng ý của tác giả, bất kể phương tiện tạo ra các bản sao, với điều kiện là sự sẵn có của các bản sao đó đáp ứng được các yêu cầu hợp lý của công chúng, có tính đến bản chất của tác phẩm. Xem tại: <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/283693>, truy cập ngày 12/05/2024.

<sup>7</sup> Điều 171.7 Luật SHTT Philippines sửa đổi đến năm 2015 quy định: “tác phẩm đã công bố” là tác phẩm, với sự đồng ý của các tác giả, được làm cho sẵn có đối với công chúng bằng phương tiện hữu tuyến hoặc vô tuyến theo cách thức mà các thành viên của cộng đồng độ có thể tiếp cận với các tác phẩm này từ địa điểm và vào khoảng thời gian cá nhân do họ lựa chọn, với điều kiện là sự sẵn có của các bản sao tác phẩm phải thỏa mãn nhu cầu hợp lý của công chúng, có tính đến bản chất của tác phẩm. Xem tại: <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/488674>, truy cập ngày 12/05/2024.

<sup>8</sup> Điều 8 Luật QTG đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật của Thụy Điển sửa đổi đến năm 2020, xem tại: <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/580485>, truy cập ngày 12/05/2024; Điều 101 Luật QTG Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, xem tại: <http://cov.gov.vn/luat-quyen-tac-gia-hop-chung-quoc-hoa-ky/>, truy cập ngày 12/05/2024.

định này là cơ sở để xác định phạm vi công chúng được tiếp cận tác phẩm, phù hợp với quy định của một số quốc gia giải thích “*công chúng*” là “*những thành viên của cộng đồng không phải chịu bất kỳ hạn chế rõ ràng hay ngụ ý nào liên quan đến việc tiết lộ nội dung của tác phẩm đó*”<sup>9</sup>.

- **Thứ hai**, cần bổ sung quy định trong văn bản hướng dẫn yêu cầu cụ thể về nghĩa vụ nêu thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ tác phẩm trong các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG như chủ thể sử dụng phải nêu chính xác, rõ ràng thông tin về tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm nếu những thông tin này xuất hiện trên tác phẩm cũng như cách thức ghi thông tin trong trường hợp không xác định được các thông tin đó tại thời điểm sử dụng tác phẩm hoặc sử dụng tác phẩm có quá nhiều tác giả mà không xác định được nội dung được sử dụng là của chủ thể nào; chế tài đối với từng hành vi vi phạm tương ứng. Việc thiết kế quy định này có thể tham khảo ghi nhận trong các điều ước quốc tế cũng như pháp luật của một số quốc gia như khoản 3 Điều 10 Công ước Berne có quy định về việc khi sử dụng tác phẩm trong các trường hợp được nêu tại khoản 1 và khoản 2, chủ thể sử dụng phải đề cập đến nguồn gốc và tên của tác giả nếu những thông tin này xuất hiện trên tác phẩm<sup>10</sup>. Ngoài ra, khoản 1 Điều 10 bis Công ước Berne cũng quy định nguồn gốc của tác phẩm luôn phải được chỉ dẫn một cách rõ ràng; pháp luật quốc gia nơi bảo hộ tác phẩm sẽ xác định các hậu quả pháp lý khi chủ thể sử dụng vi phạm nghĩa vụ này<sup>11</sup>. Bên cạnh đó, quy định tại các mục a, c, d, f Điều 5.3 Chỉ thị 2001/29/EC của Nghị viện và Ủy ban châu Âu ngày 22/05/2001 về hài hòa hóa những khía cạnh nhất định của QTG, QLQ trong xã hội thông tin có đề cập đến yêu cầu chủ thể sử dụng phải ghi rõ nguồn, bao gồm tên tác giả, trừ khi không thể thực hiện được điều này. Đặc biệt, Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng và sáng chế năm 1988 của Vương quốc Anh có quy định về điều kiện phải có “sự thừa nhận đầy đủ - sufficient acknowledgement”<sup>12</sup>, tuy nhiên, Đạo luật này cho phép “sự thừa nhận đầy đủ” về tên tác giả và xuất xứ tác phẩm không phải đề cập nếu không thể thực hiện được vì lý do mang tính thực tế hoặc lý do khác. Theo đó, Điều 178 của Đạo luật có giải thích thuật ngữ “sự thừa nhận đầy đủ” là sự ghi nhận chỉ ra tiêu đề hoặc mô tả khác của tác phẩm được đề cập và xác định tác giả trừ khi: (a) đối với tác phẩm đã công bố, tác phẩm đó được công bố ẩn danh; (b) đối với tác phẩm chưa công bố, một người không thể xác định danh tính của tác giả bằng cách điều tra hợp lý<sup>13</sup>.

- **Thứ ba**, bổ sung quy định tác phẩm được sử dụng trong các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG phải là tác phẩm tiếp cận từ nguồn hợp pháp để đảm bảo sự tôn

---

<sup>9</sup> See: <https://www.copyright.gov/comp3/chap1900/ch1900-publication.pdf>, page 5, access on May 12, 2024.

<sup>10</sup> Article 10.3 of Berne Convention 1886, amended in 1979, see: <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/283698>, access on 12/05/2024.

<sup>11</sup> Article 10bis.1 of Berne Convention 1886, amended in 1979, see: <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/283698>, access on 12/05/2024.

<sup>12</sup> Article 29, 29A, 30, 32, 35, 36, 59 of Copyright, Designs and Patents Act 1988, see: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/contents>, access on 12/05/2024.

<sup>13</sup> Article 178 of Copyright, Designs and Patents Act 1988, see: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/section/178>, access on 12/05/2024.

trọng thành quả sáng tạo của chủ thể QTG, việc sử dụng đảm bảo phản ánh chính xác hình thức thể hiện của tác phẩm cũng như không gây phương hại đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu QTG, không ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm. Ví dụ như việc sao chép phải được tiến hành dựa trên một cuốn sách có bản quyền do chủ sở hữu QTG đưa ra thị trường mà không phải là sao chép từ một bản photo tác phẩm trái phép. Điều này được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định khá rõ ràng tại Điều L122-5 Bộ luật SHTT Pháp là hành vi sao chép vì mục đích cá nhân này chỉ được xem là hợp pháp nếu nguồn sao chép là hợp pháp<sup>14</sup>.

- **Thứ tư**, cần loại bỏ quy định giới hạn số lượng ba bản sao được phép trong trường hợp ngoại lệ sao chép tác phẩm lưu trữ trong thư viện để bảo quản trong Nghị định 17/2023/NĐ-CP nhằm thống nhất với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25 Luật SHTT không quy định về giới hạn số lượng bản sao, giảm tải áp lực cho hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng tác phẩm của thư viện và về bản chất, việc sao chép để bảo quản này không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại bất hợp lý đến lợi ích của chủ sở hữu QTG. Việc giám sát mức độ sao chép với sự hỗ trợ của các phần mềm, thiết bị kỹ thuật và giới hạn về tính chất, mục đích sử dụng có lẽ cần thiết và khả thi hơn việc giới hạn một cách cứng nhắc về số lượng bản sao được phép sao chép chỉ là ba bản. Quy định trong pháp luật của một số quốc gia có ghi nhận ngoại lệ của quyền sao chép tác phẩm được mở rộng hơn về số bản sao chép và đối tượng sao chép như Điều 107 Luật Bản QTG của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ<sup>15</sup> hay Điều 30 Luật Bản quyền Nhật Bản<sup>16</sup>. Ngoài ra, việc sao chép tác phẩm mang tính cá nhân quy định tại Điều L122-5 Bộ luật SHTT của Pháp cũng không bị hạn chế về số lượng bản sao cụ thể mà thể hiện thông qua mục đích sử dụng cá nhân bởi một cá nhân sao chép một bản hay nhiều bản để sử dụng riêng cho chính mình về bản chất cũng không có gì khác biệt<sup>17</sup>.

- **Thứ năm**, văn bản hướng dẫn có thể bổ sung quy định về việc xác định nguyên tác, danh mục, đối tượng, quy trình thực hiện lưu trữ, điều kiện cho phép tiếp cận các bản sao lưu trữ trong trường hợp ngoại lệ sao chép tác phẩm lưu trữ trong thư viện để bảo quản để thống nhất áp dụng trên thực tế, thể hiện được đặc trưng của hoạt động thư viện, lưu trữ liên quan đến SHTT, thuận tiện cho các chủ thể áp dụng nghiên cứu, áp dụng.

- **Thứ sáu**, cần xây dựng quy định hướng dẫn thế nào là “sao chép hợp lý một phần tác phẩm” trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật SHTT về QTG. Theo đó, việc xác định

---

<sup>14</sup> Nguyễn Thị Hồng Nhung, Ngô Minh Tín (2021), *Quyền tự do sử dụng tác phẩm qua hành vi sao chép theo pháp luật của Pháp và Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Quyền sử dụng tự do tác phẩm qua hành vi sao chép, trích dẫn trong pháp luật về QTG từ thực tiễn các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.34.

<sup>15</sup> Điều 107 Luật Bản QTG của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ cho phép sao chép nhằm mục đích giảng dạy (bao gồm nhiều bản sử dụng cho lớp học), học thuật, nghiên cứu và cho phép áp dụng ngoại lệ của quyền sao chép đối với mục đích giáo dục không nhằm mục đích thương mại; Xem tại: <https://www.copyright.gov/title17/title17.pdf>, truy cập ngày 13/05/2024.

<sup>16</sup> Điều 30 Luật Bản quyền Nhật Bản không quy định giới hạn số bản sao chép khi đề cập đến việc hạn chế QTG và cho phép sao chép tác phẩm nhằm mục đích sử dụng cá nhân hoặc gia đình hoặc việc sử dụng khác ở phạm vi giới hạn tương tự. Xem tại: <https://www.cric.or.jp/english/clj/cl2.html>, truy cập ngày 13/05/2024.

<sup>17</sup> Nguyễn Thị Hồng Nhung, Ngô Minh Tín (2021), *ltd*, tr.34.



thể nào là hợp lý cần được xây dựng trên cơ sở định tính và định lượng đối với từng nhóm tác phẩm trên cơ sở đánh giá đặc trưng của từng nhóm, bản chất của phần được sao chép, tần suất sao chép, mức độ sao chép có làm ảnh hưởng đến việc khai thác tác phẩm của chủ thể quyền, có làm giảm sút doanh thu của chủ sở hữu QTG hay không. Do vậy, việc sao chép một phần tác phẩm viết, tác phẩm thể hiện bằng lời nói, tác phẩm báo chí, tác phẩm âm nhạc sẽ khác với sao chép một phần tác phẩm sân khấu, tác phẩm điện ảnh và khác với sao chép một phần tác phẩm nhiếp ảnh. Hiện nay, hành vi sao chép hợp lý tác phẩm đã được hướng dẫn tại Điều 25 Nghị định 17/2023/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết nên cần bổ sung thêm nội dung đối với các loại hình tác phẩm khác được áp dụng ngoại lệ để tránh những hiểu lầm trong thực tiễn. Cụ thể là đối với các loại hình tác phẩm khác ngoài tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết, việc sao chép được coi là hợp lý khi thỏa mãn điều kiện: việc sao chép chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại; việc sao chép phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình tác phẩm được sử dụng để sao chép. Bên cạnh đó, việc xác định tỷ lệ được phép sao chép nên được hướng dẫn chỉ tính dựa trên phần trọng yếu, phần có tính nguyên gốc, thể hiện dấu ấn sáng tạo của tác giả mà không phải dựa trên toàn bộ nội dung của tác phẩm. Điều này đã được thể hiện trong một số án lệ tại Hoa Kỳ, Anh, Úc<sup>18</sup>./

---

<sup>18</sup> Đỗ Minh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2016), *Dấu hiệu xác định hành vi sao chép tác phẩm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Thực thi các cam kết pháp lý của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) và vấn đề bảo vệ quyền sao chép trong bối cảnh hội nhập, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, tr.161-163.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật năm 1886.
2. Chỉ thị 2001/29/EC của Nghị viện và Ủy ban châu Âu ngày 22/05/2001 về hài hòa hóa những khía cạnh nhất định của QTG, QLQ trong xã hội thông tin.
3. Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng và sáng chế năm 1988 của Vương quốc Anh.
4. Luật Sở hữu trí tuệ Philippines sửa đổi đến năm 2015.
5. Luật Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật của Thụy Điển sửa đổi đến năm 2020.
6. Luật Quyền tác giả của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, xem tại: <http://cov.gov.vn/luat-quyen-tac-gia-hop-chung-quoc-hoa-ky/>, truy cập ngày 12/05/2024.
7. Luật Bản quyền Nhật Bản, xem tại: <https://www.cric.or.jp/english/clj/cl2.html>, truy cập ngày 12/05/2024.
8. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 và 2022).
9. Luật Xuất bản Việt Nam năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018.
10. Nghị định 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009 về QTG, quyền liên quan.
11. Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về QTG, quyền liên quan.
12. Nguyễn Thị Hồng Nhung, Ngô Minh Tín (2021), *Quyền tự do sử dụng tác phẩm qua hành vi sao chép theo pháp luật của Pháp và Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Quyền sử dụng tự do tác phẩm qua hành vi sao chép, trích dẫn trong pháp luật về QTG từ thực tiễn các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
13. Đỗ Minh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2016), *Dấu hiệu xác định hành vi sao chép tác phẩm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Thực thi các cam kết pháp lý của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) và vấn đề bảo vệ quyền sao chép trong bối cảnh hội nhập, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.